

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2025/DS-ST

Ngày: 26/3/2025

V/v “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Duy Hiếu

2. Ông Lê Công Quyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Vạn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Du - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 384/2024/TLST– DS ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2025/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2025/QĐST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Linh P, sinh năm 1991; Địa chỉ: số nhà B, Đường N, ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Bình Đ, sinh năm 1973 và bà Hà Thị Kim H, sinh năm 1976; Nơi cư trú: 1 Đường N, ấp L, xã L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh. Nơi ở hiện nay: số nhà F, đường G, ấp B, xã L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

Tất cả các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Bùi Linh P trình bày:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/8/2024 ông Bùi Linh P trình bày: Vào ngày 07/7/2023, ông P có cho vợ chồng ông Đ và bà H vay số tiền 200.000.000 đồng. Khi vay hai bên có làm biên bản giao nhận tiền và có lẫn tay ký tên rõ ràng. Hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, ông Đ và bà H hứa 01 tháng sau sẽ trả hết một lần tiền nợ gốc 200.000.000 đồng với tiền lãi.

Khi đến hạn trả nợ, vợ chồng ông Đ và bà H không trả tiền vay như đã cam kết. Ông P đã nhiều lần yêu cầu trả nhưng ông Đ và bà H không thực hiện việc trả tiền. Ông P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đ và bà H trả số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình làm việc, tại Biên bản lấy lời khai, Biên bản hòa giải, Biên bản làm việc ông P trình bày: Thời hạn cho ông Đ và bà H vay tiền là 01 tháng. Sau khi vay tiền ông Đ, bà H không trả nợ cho ông P đúng hạn nhưng có trả lãi cho ông P được 3 tháng với số tiền là 20.000.000 đồng sau đó không tiếp tục trả cho ông P nữa.

Ông P thừa nhận, ngày 01/8/2024 ông Đ và bà H đồng ý giao cho ông P các tài sản bằng gỗ để trừ nợ là 01 bộ lục bình, 01 bộ di văng, 01 bàn làm việc. Theo ông P thì trị giá số tài sản này là 30.000.000 đồng nhưng ông P đồng ý giá trị các tài sản này là 50.000.000 đồng. Ông Đ và bà H cho rằng giá trị các tài sản giao cho ông P trị giá 80.000.000 đồng, ông P không đồng ý. Trong trường hợp ông Đ và bà H đồng ý giá trị các tài sản là 50.000.000 đồng thì ông P đồng ý trừ vào nợ gốc, yêu cầu ông Đ và bà H trả 150.000.000 đồng tiền nợ gốc và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật. Trong trường hợp ông Đ, bà H không đồng ý thì ông P không yêu cầu tòa án giải quyết trong vụ án này. Ông P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đ, bà H trả cho ông P số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi theo thỏa thuận là 3%/tháng tính từ ngày 07/7/2023 cho đến khi nào ông Đ, bà H trả hết nợ cho ông P.

Bị đơn ông Nguyễn Bình Đ và bà Hà Thị Kim H trình bày:

Ông P và bà H thừa nhận có vay của ông P số tiền 200.000.000 đồng vào tháng 7/2023 để đáo hạn ngân hàng. Thực tế số tiền nợ 200.000.000 đồng mà ông Đ và bà H ký giấy vay cho ông P vào ngày 07/7/2023 là số tiền nợ còn lại của khoản vay 1 tỷ đồng trước đó vợ chồng ông Đ, bà H vay của ông P để làm thủ tục đáo hạn ngân hàng. Do ngân hàng chỉ giải ngân cho vợ chồng ông Đ và bà H vay được 700.000.000 đồng, vợ chồng ông Đ và bà H phải vay thêm ở ngoài để trả cho ông P được 800.000.000 đồng, còn 200.000.000 đồng vợ chồng ông Đ, bà H không có tiền trả mới viết giấy nợ cho ông P, đợi ngân hàng giải ngân tiếp thì sẽ trả nốt cho anh P. Nhưng sau đó do đất xuống giá, ngân hàng không chịu giải ngân thêm nên số nợ này còn lại đến bây giờ vợ chồng ông Đ, bà H chưa trả được cho anh P.

Số tiền nợ 200.000.000 đồng, ban đầu vợ chồng ông Đ, và bà H trả tiền lãi cho ông P mỗi tháng 20.000.000 đồng, tiền lãi trả thông qua chuyển khoản ngân hàng ngày 07/8/2023 là 20.000.000 đồng và trả trực tiếp. Vợ chồng ông Đ mất khả năng trả nợ nên ngày 01/8/2024, ông P có đến nhà vợ chồng ông Đ lấy các tài sản bằng gỗ gồm: 01 bộ lục bình, 01 bộ di văng, 01 bàn làm việc. Tổng giá trị tài sản này khi vợ chồng ông Đ, bà H mua là 80.000.000 đồng. Nay vợ chồng ông Đ, bà H yêu cầu ông P trừ số tiền 80.000.000 đồng trị giá số tài sản mà ông P đã lấy, vợ chồng ông Đ, bà H chỉ đồng ý trả số tiền còn nợ ông P là 120.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn ông P yêu cầu ông Đ và bà H trả số tiền nợ là 200.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày vay tới ngày trả hết tiền nợ.

- Bị đơn ông Đ và bà H trình bày đồng ý còn nợ ông P số tiền 200.000.000 đồng và đề nghị ông P cho ông Đ và bà H trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng do hoàn cảnh hiện nay rất khó khăn, đề nghị ông P không tính tiền lãi.

- *Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục phiên tòa sơ thẩm.

+ Về nội dung: Căn cứ Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P. Buộc ông Đ và bà H trả cho ông P số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi tính theo quy định pháp luật sau khi khấu trừ khoản tiền lãi mà ông Đ và bà H đã trả cho ông P. Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ông P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc tranh chấp tiền vay nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Đ và bà H cư trú tại thị xã H nên Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của ông P về số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng:

[2.1] Ông Đ, bà H thừa nhận có vay tiền của ông P 01 tỷ đồng để làm thủ tục đáo hạn ngân hàng do không trả được hết tiền vay cho ông P nên ngày 07/7/2023 làm giấy vay. Chứng cứ ông P cung cấp là Biên bản giao nhận tiền ngày 07/7/2023 và do ông Đ, bà H thừa nhận là ông Đ, bà H ký tên và lấn tay. Về nội dung Biên bản giao nhận tiền ngày 07/7/2023 có các nội dung bên giao, bên nhận, số tiền giao nhận là “200.000.000 đồng”, lý do giao nhận là “mượn trả ngân hàng”, “ngày trả 7-8-2023”, “lãi suất hai bên thỏa thuận”. Từ các nội dung này, cho thấy thực chất Biên bản giao nhận tiền ngày 07/7/2023 giữa ông P với ông Đ, bà H là hợp đồng vay tiền có thời hạn, có thỏa thuận lãi suất. Ông Đ, bà H thừa nhận còn nợ số tiền này và chưa trả nợ gốc nên có căn cứ xác định ông Đ, bà H còn nợ ông P tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng.

[2.2] Về nội dung ông Đ, bà H cho rằng đã trả cho ông P số tiền nợ gốc 80.000.000 đồng tiền bằng hình thức ông P lấy các tài sản bằng gỗ là 01 bộ lục bình, 01 bộ di văng, 01 bàn làm việc. Ông P thừa nhận có lấy các tài sản này để trừ nợ nhưng giá trị các tài sản này chỉ là 50.000.000 đồng. Trong quá trình giải

quyết và tại phiên tòa hai bên đương sự không tự thỏa thuận được giá trị tài sản để trừ nợ; ông P và ông Đ thống nhất giá trị các đồ gỗ ông P đang giữ là 50.000.0000 đồng, bà H không thống nhất với giá trị ông Đ và ông P thỏa thuận mà cho rằng giá trị các tài sản này là 65.000.000 đồng. Do các đương sự không thỏa thuận được các tài sản này để Tòa án ghi nhận mà các tài sản này không thuộc phạm vi khởi kiện của ông P; ông Đ, bà H không có yêu cầu phản tố đòi lại các tài sản này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trong trường hợp các đương sự có tranh chấp thì khởi kiện bằng một vụ án khác.

[3] Xét yêu cầu tính lãi khoản tiền vay theo quy định pháp luật của ông P:

[3.1] Theo nội dung hợp đồng thì hai bên cho vay có thời hạn, có thỏa thuận lãi suất nhưng không ghi cụ thể mức lãi suất vay là bao nhiêu. Ông P cho rằng lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, ông Đ và bà H cho rằng mức lãi suất cho vay là 20.000.000 đồng/tháng. Do hai bên không thống nhất được mức lãi suất, ông P yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật, khoản vay của ông Đ và bà H là vay có thời hạn nên căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 thì lãi suất cho vay trong hạn là 10%/năm, lãi suất cho vay quá hạn là 150% của lãi suất trong hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015.

Về số tiền lãi ông Đ, bà H phải trả cho ông P theo quy định pháp luật:

Lãi suất trong hạn từ ngày 07/7/2023 đến ngày 07/8/2023 là: 200.000.000 đồng x 10%/năm x 30 ngày = 1.667.000 đồng.

Lãi suất quá hạn từ ngày 08/8/2023 đến ngày xét xử là: 200.000.000 đồng x 10%/năm x 150% x 19 tháng 18 ngày = 49.000.000 đồng.

[3.2] Về số tiền lãi ông P đã nhận: Ông P cho rằng lãi suất 3%/tháng chỉ nhận được 03 tháng tiền lãi với số tiền là 20.000.000 đồng. Bà H và ông Đ cho rằng trả tiền lãi tới tháng 8/2024 không có khả năng trả lãi mới ngưng và bị ông P lấy tài sản. Theo chứng cứ bà H và ông Đ cung cấp thì ngày 07/8/2023, ông Đ và bà H chuyển cho ông P số tiền 20.000.000 đồng với nội dung “*trả tiền lãi*”, ông P thừa nhận chỉ nhận 20.000.000 đồng tiền lãi bằng hình thức chuyển khoản, không thừa nhận có việc nhận tiền lãi của ông Đ, bà H trả bằng tiền mặt như ông Đ, bà H trình bày. Ông P trình bày số tiền 20.000.000 đồng là lãi của 03 tháng, không phải là tiền lãi 01 tháng như lời trình bày của ông Đ, bà H. Xét lời trình bày của ông P thấy rằng ông P cho rằng lãi suất cho vay là 3%/tháng và số tiền 20.000.000 đồng đã nhận là tiền lãi 03 tháng, với mức lãi suất 3%/tháng thì tiền lãi 03 tháng như ông P trình bày đối với số tiền nợ gốc phải là 18.000.000 đồng trong khi ông P và bà H chuyển 20.000.000 đồng chỉ sau ngày vay 01 tháng, nội dung ghi không thể hiện lãi 03 tháng, cũng không có thể hiện trả nợ gốc, chỉ có ghi tiền lãi. Lời trình bày của ông P về tiền lãi có sự mâu thuẫn. Vì vậy có căn cứ xác định ông P đã nhận tiền lãi mỗi tháng 20.000.000 đồng và nhận trong 03 tháng, thành tiền là 60.000.000 đồng. Theo quy định tại Điều 466 và 468 của Bộ luật dân sự 2015 thì ông P được nhận số tiền lãi là 50.667.000 đồng nhưng ông P đã nhận 60.000.000 đồng vượt quá mức pháp luật quy định là 9.333.000 đồng nên số tiền vượt quá mức sẽ trừ vào tiền nợ gốc. Như vậy, ông Đ và bà H phải trả tiền nợ gốc cho ông P là 190.667.000 đồng.

[4] Đối với việc ông Đ, bà H đề nghị được trả dần số tiền nợ cho ông P mỗi tháng 2.000.000 đồng, tại phiên tòa ông P không đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Linh P. Buộc ông Nguyễn Bình Đ và bà Hà Thị Kim H có nghĩa vụ trả cho ông Bùi Linh P số tiền nợ là 190.667.000 đồng.

[6] Án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông P được chấp nhận một phần nên ông P, ông Đ và bà H phải chịu án phí theo quy định, cụ thể:

Bà H và ông Đ phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho ông P là 190.333.000 đồng.

Ông P phải chịu án phí trên số tiền phần không được chấp nhận là 9.333.000 tiền nợ gốc và 50.667.000 đồng tiền lãi theo quy định pháp luật.

[7] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành về nội dung giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Linh P đối với ông Nguyễn Bình Đ và bà Hà Thị Kim H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc Nguyễn Bình Đ và bà Hà Thị Kim H có nghĩa vụ trả cho ông Bùi Linh P số tiền 190.333.000 (một trăm chín mươi triệu ba trăm ba mươi ba ngàn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền nợ, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Bùi Linh P phải chịu 3.000.000 (ba triệu) đồng, trừ vào tiền tạm ứng đã nộp là 5.000.000 (năm triệu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011573 ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Ông Bùi Linh P được trả lại số tiền là 2.000.000 (hai triệu) đồng.

- Ông Nguyễn Bình Đ và bà Hà Thị Kim H phải chịu 9.517.000 (chín triệu năm trăm mười bảy ngàn) đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ đối với đương sự vắng mặt.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- CCTHADS thị xã. Hòa Thành;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Thanh Hoa